

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2026/HS-ST

Ngày: 17/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Long

Ông Nguyễn Quang Hiến

- *Thư ký phiên toà: Ông Dương Tuấn Duy* – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hằng* - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐXXST-HS ngày 04/03/2026 đối với bị cáo:

LÊ QUYẾT T – sinh năm: 1991; HKTT và trú tại: Tổ A Cụm N, phường B, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; con ông Lê Quốc T1 và bà Vũ Thị H; Vợ: Lê Thị Thanh T2; Có 02 con: Lớn SN 2014, nhỏ SN 2022; Theo danh chỉ bản số 10 ngày 15/12/2025 của Công an phường B, thành phố Hà Nội lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo có 01 tiền án

Nhân thân:

- Bản án số 546/2009/HSST ngày 21/10/2009, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2009. Chấp hành xong về địa phương ngày 14/4/2011, nộp án phí theo biên lai số 10907 ngày 23/3/2010. (Đã được xóa)

- Bản án số 71/HSST ngày 20/12/2011, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2011. Chấp hành xong về địa phương ngày 03/5/2013, nộp án phí theo biên lai số 8416 ngày 15/02/2012. (Đã được xóa)

- Bản án số 417/2016/HSST ngày 27/10/2016, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử 04 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2016. Chấp hành xong về địa phương ngày 03/3/2020, nộp án phí theo biên lai số 3207 ngày 27/6/2018. (Chưa được xóa)

Bị cáo phạm tội lần này là Tái phạm.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Công ty T3

Địa chỉ: Tầng A, A G, D Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh
 Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974, CCCD số: 015074000503; Địa chỉ: Tổ A phường C, tỉnh Sơn La. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty T3 có địa chỉ tại Tầng A, A G, D Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần T4 có trụ sở chính tại A T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh ký Thỏa thuận hợp tác kinh doanh với nội dung khách hàng ký kết hợp đồng tín dụng với Home Credit để được cấp tín dụng mua hàng hóa từ Thế giới di động.

Khoảng cuối năm 2020, Lê Quyết T (Sinh năm: 1991; Nơi thường trú: Tổ A, cụm N, phường B, thành phố Hà Nội) nhặt được 01 Giấy chứng minh nhân dân số 017513122 mang tên Cao Ngọc N (Sinh năm: 1996; Nơi thường trú: Thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội). Khi đó, do bản thân không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tiền để chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh việc làm giả Giấy chứng minh nhân dân bằng cách thay ảnh chân dung của bị cáo T vào Giấy chứng minh nêu trên, sau đó sử dụng Giấy chứng minh nhân dân đã bị làm giả để đến các cửa hàng mua điện thoại đi động trả góp với thông tin của Cao Ngọc N. Thực hiện kế hoạch trên, T đã đi chụp ảnh thẻ kích thước 2x3 (do thời gian diễn ra sự việc đã lâu nên đến nay bị cáo T không còn nhớ đã đi chụp ảnh ở đâu) sau đó mang về nhà tại: Số B ngách B đường N, phường B, thành phố Hà Nội để thực hiện việc làm giả Giấy chứng minh nhân dân bằng cách: Cắt, bóc lớp Plastic (giấy bóng kính) bọc ngoài Giấy chứng minh nhân dân rồi bóc ảnh thẻ của anh N đang được dán trên Giấy chứng minh nhân dân ra để dán thay thế bằng ảnh chân dung của bị cáo T đã chụp, sau đó đi ép lại Plastic (giấy bóng kính).

Sau khi làm xong Giấy chứng minh nhân dân giả như trên, ngày 07/12/2020, Lê Quyết T đã đến Cửa hàng T5 (Địa chỉ: Số A - A, đường N, phường B, thành phố Hà Nội) và sử dụng giấy tờ tùy thân là Giấy chứng minh nhân dân số 017513122 mang tên Cao Ngọc N bị làm giả để thực hiện việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 4006293821 với Công ty T3 mua trả góp chiếc điện thoại OPPO RENO4 PRO trị giá 11.990.000Vnđ (Số tiền vay: 8.393.000Vnđ). Sau khi ký kết hợp đồng trên, Công ty T3 đã giải ngân số tiền 8.393.000Vnđ (tám triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng) đến tài khoản của Công ty Cổ phần T4 để thanh toán cho khách hàng mua chiếc điện thoại nêu trên. Khách hàng có

trách nhiệm thanh toán số tiền 8.393.000Vnđ cho Công ty T3 trong 06 (sáu) tháng với lãi xuất thỏa thuận tại hợp đồng.

Ngoài ra, Lê Quyết T còn sử dụng Giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Ngọc N giả để đăng ký mở tài khoản online tại Ngân hàng TMCP Q (V) thông qua ứng dụng “MY VIB”. Ngày 08/12/2020, Lê Quyết T đã tải, sử dụng ứng dụng “Home Credit” và tiếp tục sử dụng Giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Ngọc N giả để đăng ký khoản vay 2.000.000Vnđ (hai triệu đồng) của Công ty T3 theo Hợp đồng tín dụng số 4006296424. Cùng ngày, Công ty T3 đã giải ngân, chuyển khoản số tiền 2.000.000Vnđ đến tài khoản số 003278581 mang tên Cao Ngọc N mở tại Ngân hàng V do Lê Quyết T đang quản lý và sử dụng.

Do không nhận được bất cứ khoản tiền thanh toán nào của khách hàng đối với 02 Hợp đồng tín dụng nói trên nên ngày 26/9/2025 Công ty T3 đã làm đơn trình báo cơ quan Công an để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Công ty T3:

- 02 (hai) file hình ảnh chân dung của khách hàng Cao Ngọc N đã ký kết Hợp đồng số 4006293821 và số 4006296424 do Công ty T3 cung cấp, được lưu trữ trong 01 (một) USB và niêm phong trong 01 (một) phong bì dán kín, đóng dấu giáp lai tại các mép hờ bằng con dấu tròn màu đỏ của Công an phường B;

- 01 (một) file ghi âm cuộc hội thoại giữa nhân viên Công ty T3 với khách hàng Cao Ngọc N (sử dụng số điện thoại: ...) được lưu trữ trong 01 (một) USB và niêm phong trong 01 (một) phong bì dán kín, đóng dấu giáp lai tại các mép hờ bằng con dấu tròn màu đỏ của Công an phường B.

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số: C13892/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/11/2025 của Cơ quan CSĐT – C1. Ngày 05/12/2025, V1 - Bộ C2 ban hành Kết luận giám định số 9144/KL-KTHS, kết quả:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định.

- Không đủ cơ sở xác định được tiếng nói nào trong các file âm thanh mẫu cần giám định là tiếng nói của Lê Quyết T trong mẫu so sánh (do mẫu cần giám định có chất lượng kém).

- Nội dung hội thoại trong các file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (Chi tiết được thể hiện trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo).

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file hình ảnh mẫu cần giám định.

- Hình ảnh chân dung trong mẫu cần giám định (Hình ảnh khách hàng do Công ty T3 cung cấp) và hình ảnh chân dung trong mẫu so sánh (Hình ảnh chân dung của Lê Quyết T do Cơ quan điều tra thu thập) là hình ảnh của cùng một người.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Quyết T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung nêu trên. Đối với chiếc điện thoại OPPO RENO4 PRO Lê Quyết T sử dụng một thời gian và đã bán lại cho một người không quen biết. Đối với số tiền 2000.000đ, Lê Quyết T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của anh Cao Ngọc N- SN: 1996. HKTT: Xã V, thành phố Hà Nội, kết quả như sau: Anh N đã từng làm và sử dụng Giấy chứng minh nhân dân số 01751322 do Công an thành phố H cấp ngày 19/11/2013, tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2018 anh N bị mất ví bên trong có Giấy chứng minh nhân dân nói trên cùng Giấy pháp lái xe nhưng anh N không làm đơn trình báo đến Cơ quan chức năng. Anh nam khẳng định không có quan hệ gì với Lê Quyết T, không ký kết Hợp đồng tín dụng nào với Công ty T3. Ảnh trên Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Cao Ngọc N không phải là ảnh của anh N.

Cáo trạng số: 174/CT-VKS ngày 19-02-2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã truy tố Lê Quyết T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo Lê Quyết T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hành vi của bị cáo vi phạm vào khoản 1 Điều 174 của BLHS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 15 (Mười lăm) tháng đến 20 (Hai mươi) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Ngày 09/11/2025 Lê Quyết T đã thanh toán toàn bộ dư nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 4006293821 và số 4006296424. Công ty T3 không có yêu cầu gì về dân sự.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật-tài liệu, lời khai các bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/12/2020, tại cửa hàng T5, bị cáo Lê Quyết T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm giả Chứng minh nhân dân mang tên Cao Ngọc N và sử dụng để ký kết 02 (hai) hợp đồng tín dụng với Công ty T3 mục đích chiếm đoạt tổng số tiền 11.108.290 đồng (mười một triệu, một trăm lẻ tám nghìn, hai trăm chín mươi đồng) mà Công ty T3 đã giải ngân cho vay.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Quyết T đã cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Nhân thân bị cáo có 02 tiền án: Bản án số 546/2009/HSST ngày 21/10/2009, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2009. Chấp hành xong về địa phương ngày 14/4/2011, nộp án phí theo biên lai số 10907 ngày 23/3/2010. Bản án số 71/HSST ngày 20/12/2011, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2011. Chấp hành xong về địa phương ngày 03/5/2013, nộp án phí theo biên lai số 8416 ngày 15/02/2012 theo luật định đã được xóa, Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa Bản án số 417/2016/HSST ngày 27/10/2016, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử 04 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2016. Chấp hành xong về địa phương ngày 03/3/2020, nộp án phí theo biên lai số 3207 ngày 27/6/2018. Nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã

hội, xét về tính chất, mức độ và nhân thân bị cáo xấu thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về dân sự:

[7] Công ty T3 đã được thanh toán toàn bộ dư nợ không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

Đại diện VKSND Khu vực 5 – Hà Nội đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Các vấn đề khác:

[9] Đối với hành vi làm giả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Ngọc N của bị cáo T, Cơ quan điều tra không thu được vật chứng nên không đủ căn cứ xử lý về hình sự về tội Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức. Do thời hiệu xử lý hành chính đối với Lê Quyết T về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức đã hết nên không xem xét, xử lý.

- Về án phí:

[10] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[11] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quyết T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Quyết T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.
 Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND - TP . Hà Nội;
- VKSND - TP . Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5;
- PC 06 – CATP. Hà Nội;
- P. THADS Khu vực 5;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Nam